

## **Công ty Cổ phần Everpia**

Báo cáo tài chính riêng

Cho quý tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Bảng cân đối kế toán riêng	3-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6-7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8-9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 42

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2019	01/01/2019
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>		<b>1,223,703,606,409</b>	<b>1,170,402,259,798</b>
<b>110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>44,377,587,047</b>	<b>56,240,642,185</b>
111 1. Tiền		27,273,587,047	38,840,642,185
112 2. Các khoản tương đương tiền		17,104,000,000	17,400,000,000
<b>120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>518,573,000,000</b>	<b>452,548,500,000</b>
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	518,573,000,000	452,548,500,000
<b>130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>225,661,083,669</b>	<b>239,569,580,845</b>
131 1. Phải thu khách hàng	6	206,671,167,780	227,611,563,628
132 2. Trả trước cho người bán	6	35,109,423,548	25,442,860,902
136 3. Các khoản phải thu khác	7	21,473,459,090	21,983,210,878
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6,7	(37,592,966,749)	(35,468,054,563)
<b>140 IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>422,466,060,236</b>	<b>403,861,648,525</b>
141 1. Hàng tồn kho		434,580,803,850	419,949,878,914
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12,114,743,614)	(16,088,230,389)
<b>150 V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>12,625,875,457</b>	<b>18,181,888,243</b>
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	4,177,596,784	10,461,302,311
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		8,298,278,673	7,570,585,932
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		150,000,000	150,000,000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

200	<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>		<b>339,096,043,099</b>	<b>334,921,831,991</b>
210	<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2,439,720,575</b>	<b>2,365,523,158</b>
216		1. Phải thu dài hạn khác	7	3,764,609,250	3,690,411,833
219		2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	7	(1,324,888,675)	(1,324,888,675)
220	<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>253,733,762,648</b>	<b>273,125,440,183</b>
221		1. Tài sản cố định hữu hình	10	248,045,900,932	265,794,612,166
222		- Nguyên giá		585,613,826,189	571,332,073,478
223		- Giá trị hao mòn lũy kế		(337,567,925,257)	(305,537,461,312)
227		2. Tài sản cố định vô hình	11	5,687,861,716	7,330,828,017
228		- Nguyên giá		40,548,062,876	40,548,062,876
229		- Giá trị hao mòn lũy kế		(34,860,201,160)	(33,217,234,859)
250	<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>36,923,200,000</b>	<b>25,348,200,000</b>
251		1. Đầu tư vào công ty con	12	34,285,000,000	22,710,000,000
252		2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	12	11,590,390,000	11,590,390,000
253		3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13	2,638,200,000	2,638,200,000
254		4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12	(11,590,390,000)	(11,590,390,000)
260	<b>III.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>45,999,359,876</b>	<b>34,082,668,650</b>
261		1. Chi phí trả trước dài hạn	14	28,735,200,128	17,003,502,987
262		2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27	17,264,159,748	17,079,165,663
270		<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>		<b>1,562,799,649,508</b>	<b>1,505,324,091,789</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2019	01/01/2019
<b>300 A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>		<b>643,280,429,988</b>	<b>583,621,423,780</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>290,812,895,480</b>	<b>219,741,793,817</b>
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	75,248,213,686	79,741,683,361
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	32,484,907,517	21,403,410,987
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	13,089,181,577	23,015,809,543
314 4. Phải trả người lao động		17,055,899,956	17,007,943,807
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	4,434,932,402	3,312,520,102
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	18	7,584,423,173	6,158,581,355
320 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	140,915,337,169	69,101,844,662
<b>330 II. Nợ dài hạn</b>		<b>352,467,534,508</b>	<b>363,879,629,963</b>
336 1. Phải trả dài hạn khác	18	16,935,720,694	15,588,964,872
337 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	103,280,622,064	113,516,165,091
339 3. Trái phiếu chuyển đổi	19	232,251,191,750	234,774,500,000
<b>400 B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>		<b>919,519,219,520</b>	<b>921,702,668,009</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>			
411 I. 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu [Vốn cổ phần]	20.3	419,797,730,000	419,797,730,000
411a -Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	20.2	419,797,730,000	419,797,730,000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần	20.2	203,072,724,247	203,072,724,247
415 3. Cổ phiếu quỹ	20.2	(76,000,000,000)	(76,000,000,000)
420 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20.5	507,639,888	734,156,888
421 5. [Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Lỗ lũy kế]		372,141,125,385	374,098,056,874
421a -Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		332,248,655,398	295,537,175,749
421b -Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		39,892,469,987	78,560,881,125
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>		<b>1,562,799,649,508</b>	<b>1,505,324,091,789</b>

Nguyễn Bảo Ngọc  
Người lập biểu  
Trưởng phòng kế toán

Yu Sung Dae  
Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính



Lê Jae Eun  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 10 năm 2019

# Công ty Cổ phần Everpia

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho quý tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

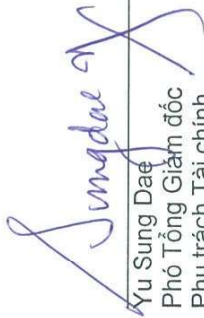
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND		
		Quý 3/2019	Quý 3/2018	9 tháng /2019
1. Doanh thu bán hàng	22	289,643,273,308	323,490,544,697	719,738,995,175
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	745,692,039	588,357,671	3,026,752,193
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	22	288,897,581,269	322,902,187,026	716,712,242,982
4. Giá vốn hàng bán	23	191,521,072,157	222,607,053,800	492,377,188,615
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)		97,376,509,112	100,295,133,226	224,335,054,367
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	11,114,263,808	8,308,208,672	29,331,876,417
7. Chi phí tài chính	24	9,333,557,604	9,903,043,905	17,151,135,687
Trong đó: Chi phí lãi vay		8,255,306,584	4,808,327,430	12,925,335,506
8. Chi phí bán hàng	25	40,272,544,781	42,088,040,821	118,294,564,770
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24,287,241,804	27,108,253,276	66,269,703,305
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))		34,597,428,731	29,504,003,896	51,951,527,022
11. Thu nhập khác		142,275,471	52,741,627	241,444,964
12. Chi phí khác		(141,033,570)	40,323,763	434,764,749
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)		283,309,041	12,417,864	(193,319,785)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		34,880,737,772	29,516,421,760	51,758,207,237
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	9,456,543,663	6,559,640,313	12,050,731,335
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(2,030,962,015)	(658,594,843)	(184,994,085)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)		27,455,156,124	23,635,376,290	39,892,469,987
				826,140,425,153
				1,883,793,003
				824,256,632,150
				573,078,599,062
				251,178,033,088
				19,583,697,827
				19,074,626,337
				13,117,797,149
				109,984,316,730
				71,229,479,339
				70,473,308,509
				-
				893,144,692
				59,513,674
				833,631,018
				71,306,939,527
				9,382,257,572
				5,124,096,008
				56,800,585,947

Công ty Cổ phần Everpia

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho quý tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

  
Nguyễn Bảo Ngọc  
Người lập biểu  
Trưởng phòng kế toán

  
Yu Sung Dae  
Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính



  
Lee Jae Eun  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 10 năm 2019



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho quý tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	9 tháng /2019	9 tháng /2018
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>51,758,207,237</b>	<b>71,306,939,527</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
02	Khấu hao tài sản cố định		33,673,430,246	30,505,456,805
03	Các khoản dự phòng		(1,848,574,589)	(23,743,095,571)
04	(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(1,455,278,482)	1,467,647,066
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư	22.2	(26,032,004,253)	(12,822,130,824)
06	Chi phí lãi vay	24	12,925,335,506	13,117,797,149
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn</b>		<b>69,021,115,665</b>	<b>79,832,614,152</b>
09	Thay đổi các khoản phải thu		(2,529,875,497)	(47,252,572,066)
10	Thay đổi hàng tồn kho		(14,630,924,936)	(48,301,522,665)
11	Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		10,041,237,943	32,142,060,553
12	Thay đổi chi phí trả trước		(5,447,991,615)	(5,680,276,597)
13	Tiền lãi vay đã trả		(18,225,497,831)	(15,534,958,803)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(18,120,464,137)	(14,803,222,577)
15	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4,037,136,725)	(24,774,817,455)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>16,070,462,867</b>	<b>(44,372,695,458)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Tiền chi mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản dở dang		(12,763,327,588)	(29,683,592,702)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		-	168,140,098
23	Tiền chi cho các khoản đầu tư ngắn hạn		(66,024,500,000)	(225,988,500,000)
24	Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn		-	60,773,000,000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		28,844,763,150	12,943,794,694
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(49,943,064,438)</b>	<b>(181,787,157,910)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		208,724,074,696	392,490,976,361
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(149,669,433,466)	(163,129,667,764)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	(25,728,214)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(38,038,781,750)	(39,805,509,500)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>21,015,859,480</b>	<b>189,530,070,883</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(12,856,742,091)</b>	<b>(36,629,782,485)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	56,240,642,185	126,055,923,872
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		993,686,953	2,759,953,134
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	4	<b>44,377,587,047</b>	<b>92,186,094,521</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho quý tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019



Nguyễn Bảo Ngọc  
Người lập biểu  
Trưởng phòng kế toán



Yu Sung Dae  
Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 10 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 19 được cấp ngày 7 tháng 11 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư là sản xuất, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ), tư vấn và chuyển giao công nghệ và xuất khẩu vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, nệm, gối, túi ngủ, vali, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dùng nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng, kinh doanh bất động sản dưới hình thức thuê nhà và công trình xây dựng để cho thuê lại tại địa điểm dự án.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và bảy chi nhánh tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng, Khánh Hòa.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2019 là 1.466 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.591 người).

***Cơ cấu tổ chức***

Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con tại ngày 30 tháng 09 năm 2019 như sau:

***Công ty Cổ phần Everpia Korea***

Công ty này là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 201600179 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 1 tháng 8 năm 2016. Công ty Cổ phần Everpia Korea có trụ sở tại số 18-104 Gil Samsung-ro, Kangnam Gu, thành phố Seoul, Hàn Quốc. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Everpia Korea là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật Hàn Quốc.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019, Công ty nắm 100% tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trong công ty con này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã góp vốn 1.500.000 đô la Mỹ (tương đương 34.285.000.000 VND), tương đương với 100% vốn điều lệ vào công ty con này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty Cổ phần Everpia là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư số 155/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho quý tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019. Công ty đã hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này vào ngày 29 tháng 10 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 để có được các thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán quý 3 của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 và kết thúc ngày 30 tháng 09.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho quý tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019.

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận là một mục thuộc tài sản nhà xưởng, vật kiến trúc và được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền trong tương lai để chi trả cho nghĩa vụ di dời nêu trên tại thời điểm kết thúc thời hạn thuê đất.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Nhãn hiệu, kênh phân phối*

Giá trị nhãn hiệu và kênh phân phối được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo giá mua trên các hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu và kênh phân phối.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 - 46 năm
Máy móc thiết bị	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Các tài sản cố định hữu hình khác	4 - 10 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	20 năm
Kênh phân phối	15 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Các tài sản cố định vô hình khác	4 năm
Chi phí hoàn trả mặt bằng	10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng vào giữa niên độ

- Chi phí trả trước về thuê mặt bằng;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ....

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê ký với ông Nguyễn Hoài Thanh vào ngày 22 tháng 02 năm 2019 với thời hạn 50 năm. Theo thông tư 45, khoản tiền thuê đất nói trên được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009, Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 và Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các khoản dự phòng**

*Dự phòng chung*

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**3.13 Các khoản dự phòng (tiếp theo)**

*Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng*

Công ty ghi nhận một khoản dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng cho lô đất mà Công ty đã xây dựng nhà máy. Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận theo giá trị dòng tiền ước tính trong tương lai phải trả cho việc thực hiện nghĩa vụ này. Chi phí này được ghi nhận là một mục thuộc nguyên giá của nhà cửa, vật kiến trúc và sẽ được khấu hao theo thời gian thuê của lô đất mà nhà cửa và vật kiến trúc được xây dựng trên đó. Chi phí hoàn trả mặt bằng ước tính sẽ được xem xét lại định kỳ và điều chỉnh phù hợp. Các thay đổi về giá trị tương lai ước tính được cộng thêm hay trừ ra khỏi nguyên giá của tài sản đã ghi nhận.

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)**

*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoài trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế (tiếp theo)**

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.18 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa vào việc bán các sản phẩm dệt may. Ban Giám Đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

**3.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Tiền mặt	412,490,017	1,647,250,291
Tiền gửi ngân hàng	26,861,097,030	37,193,391,894
Các khoản tương đương tiền (*)	17,104,000,000	17,400,000,000
	<u><b>44,377,587,047</b></u>	<u><b>56,240,642,185</b></u>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng hưởng lãi suất 5%/năm (2018: các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng hưởng lãi suất từ 5%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>30/09/2019</u>		<u>01/01/2019</u>	
	Giá trị	Giá trị thực hiện	Giá trị	Giá trị thực hiện
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	518,573,000,000	518,573,000,000	452,548,500,000	452,548,500,000
	<u>518,573,000,000</u>	<u>518,573,000,000</u>	<u>452,548,500,000</u>	<u>452,548,500,000</u>

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng đến 1 năm hưởng lãi suất từ 6.8%/năm đến 7,6%/năm. (2018: các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng đến 1 năm hưởng lãi suất từ 6,2%/năm đến 7,2%/năm).

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	<b>206,671,167,780</b>	<b>227,611,563,628</b>
Công ty Pan Pacipic	12,773,671,185	255,439,192
Công ty TNHH Hòa Bình	1,554,735,851	4,554,735,851
Tập Đoàn Ha Hae	8,746,715,225	1,478,276,150
Công ty TNHH MH	1,658,344,298	421,178,520
Tập Đoàn Dệt May Global	2,054,515,365	1,077,839,640
Công Ty Cổ Phần Central	2,437,601,500	1,290,364,900
Công ty TM Eady	3,317,841,495	3,061,775,838
Công ty DHG	4,001,083,798	0
- Các khoản phải thu khách hàng khác	170,126,659,063	215,471,953,537
	<u><b>206,671,167,780</b></u>	<u><b>227,611,563,628</b></u>
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(24,888,522,702)</u>	<u>(22,763,610,516)</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Jiangsu Goldsun Textile Trade Co.,Ltd	4,629,881,043	253,240,320
Công Ty Cổ Phần Thương Mại V.F.B ZHEJIANG YUEHE INDUSTRY CORPORATION LTD	2,652,500,000	-
Công ty TNHH JM Điện cơ và XD VN	2,756,239,500	-
Trả trước cho nhà cung cấp	696,080,000	696,080,000
	<u>24,374,723,005</u>	<u>24,493,540,582</u>
	<b><u>35,109,423,548</u></b>	<b><u>25,442,860,902</u></b>
Dự phòng trả trước cho người bán	(696,080,000)	(696,080,000)

**7. PHẢI THU KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
<b>Ngắn hạn</b>		
Tài sản thiếu chờ xử lý	11,349,845,417	10,958,487,655
Lãi tiền gửi và cho vay	5,304,374,103	8,038,129,905
Tạm ứng cho nhân viên	1,102,642,007	1,287,327,303
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	347,397,965	408,563,638
Thuế giá trị gia tăng chờ hoàn	1,168,241,076	1,168,513,803
Phải thu ngắn hạn khác	2,200,958,522	122,188,574
	<u>21,473,459,090</u>	<u>21,983,210,878</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(12,008,364,047)	(12,008,364,047)
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan	-	
Phải thu ngắn hạn khác từ các đối tượng khác	21,473,459,090	21,983,210,878
<b>Dài hạn</b>		
Cho thuê máy móc	893,491,200	893,491,200
Cho vay xơ	252,051,882	252,051,882
Phải thu nhân viên	98,599,640	98,599,640
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2,439,720,575	2,365,523,158
Phải thu khác	80,745,953	80,745,953
	<u>3,764,609,250</u>	<u>3,690,411,833</u>
Dự phòng phải thu dài hạn khác khó đòi	(1,324,888,675)	(1,324,888,675)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**8. NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>30/09/2019</u>		<u>01/01/2019</u>	
	Giá gốc	Giá trị thu hồi	Giá gốc	Giá trị thu hồi
Everpia Cambodia	10,233,915,802	-	10,077,275,599	2,336,945,334
Các khoản phải thu khác	57,588,376,858	28,904,437,236	57,489,870,447	28,437,258,474
	<b>67,822,292,660</b>	<b>28,904,437,236</b>	<b>67,567,146,046</b>	<b>30,774,203,808</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Hàng mua đang đi đường	3,382,801,229	6,121,493,812
Nguyên liệu, vật liệu	230,301,478,760	231,446,359,852
Thành phẩm	196,656,761,652	179,605,691,714
Hàng hoá	4,239,762,209	2,776,333,536
	<b>434,580,803,850</b>	<b>419,949,878,914</b>
Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho nguyên vật liệu	(5,746,956,225)	(9,252,711,215)
Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho thành phẩm	(6,367,787,389)	(6,835,519,174)
	<b>(12,114,743,614)</b>	<b>(16,088,230,389)</b>



Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

NGUYÊN GIÁ	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2019	196,826,549,412	296,508,402,684	13,909,759,696	44,524,168,028	19,563,193,658	571,332,073,478
Tăng trong kỳ	104,030,340	11,771,265,340	1,500,000,000	1,248,756,105	542,928,382	15,166,980,167
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	885,227,456	885,227,456
<b>Tại ngày 30/09/2019</b>	<b>196,930,579,752</b>	<b>308,279,668,024</b>	<b>15,409,759,696</b>	<b>45,772,924,133</b>	<b>19,220,894,584</b>	<b>585,613,826,189</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2019	70,561,962,596	186,065,585,908	12,855,992,795	21,636,637,543	14,417,282,470	305,537,461,312
Trích vào chi phí trong kỳ	9,661,463,912	17,837,457,001	746,886,312	3,206,052,598	1,285,031,143	32,736,890,966
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	706,427,021	706,427,021
<b>Tại ngày 30/09/2019</b>	<b>80,223,426,508</b>	<b>203,903,042,909</b>	<b>13,602,879,107</b>	<b>24,842,690,141</b>	<b>14,995,886,592</b>	<b>337,567,925,257</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 30/09/2019	116,707,153,244	104,376,625,115	1,806,880,589	20,930,233,992	4,225,007,992	248,045,900,932
Tại ngày 01/01/2019	126,264,586,816	110,442,816,776	1,053,766,901	22,887,530,485	5,145,911,188	265,794,612,166

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND

NGUYÊN GIÁ	Thương hiệu VND	Kênh phân phối VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	24,566,385,000	7,831,500,000	7,463,284,189	686,893,687	40,548,062,876
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/09/2019</b>	<b>24,566,385,000</b>	<b>7,831,500,000</b>	<b>7,463,284,189</b>	<b>686,893,687</b>	<b>40,548,062,876</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2019	18,649,057,064	7,831,500,000	6,049,784,108	686,893,687	33,217,234,859
Trích vào chi phí trong năm	1,104,108,856	-	538,857,445	-	1,642,966,301
<b>Tại ngày 30/09/2019</b>	<b>19,753,165,920</b>	<b>7,831,500,000</b>	<b>6,588,641,553</b>	<b>686,893,687</b>	<b>34,860,201,160</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/09/2019	4,813,219,080	-	874,642,636	-	5,687,861,716
Tại ngày 01/01/2019	5,917,327,936	-	1,413,500,081	-	7,330,828,017



## Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

### 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	30/09/2019			01/01/2019		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị còn lại	Giá trị	Dự phòng	Giá trị còn lại
Đầu tư vào công ty con	34,285,000,000		34,285,000,000	22,710,000,000		22,710,000,000
Đầu tư vào công ty liên kết	11,590,390,000	(11,590,390,000)	-	11,590,390,000	(11,590,390,000)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2,638,200,000		2,638,200,000	2,638,200,000		2,638,200,000
	<b>48,513,590,000</b>	<b>(11,590,390,000)</b>	<b>36,923,200,000</b>	<b>36,938,590,000</b>	<b>(11,590,390,000)</b>	<b>25,348,200,000</b>

#### 12.1 Đầu tư vào công ty con

	30/09/2019		01/01/2019	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Everpia Korea	100%	100%	100%	100%

Chi tiết thông tin về các công ty con tại ngày 30 tháng 09 năm 2019 được trình bày tại Thuyết minh số 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**12.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Texpia	44%	44%	44%	44%

Công ty Cổ phần Texpia là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472033001056 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 10 năm 2013 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 6 số 472033001056 được cấp ngày 2 tháng 6 năm 2017. Công ty Cổ phần Texpia có trụ sở tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch, phường Nhơn Trạch, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Texpia là sản xuất và gia công các loại khăn và sản xuất, gia công các loại vải dùng may khăn. Vào ngày 02 tháng 04 năm 2018, Công ty đã thực hiện việc mua lại toàn bộ tài sản, nợ phải trả từ Công ty Cổ phần Texpia đồng thời tiếp nhận quyền kinh doanh, hệ thống phân phối hiện có đối với mảng kinh doanh Khăn Micro fiber. Tại ngày thành lập báo cáo này, Công ty Cổ phần Texpia đang trong quá trình làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước về thủ tục chuyển nhượng hoàn toàn dự án sản xuất khăn và vải may mặc cho Công ty CP Everpia (thực hiện theo Luật Đầu tư) trước khi thực hiện các thủ tục giải thể theo Luật Doanh Nghiệp. Hiện tại, Công ty CP Texpia vẫn là công ty liên kết của Công ty với số vốn góp là 44% vốn Điều lệ. Vì vậy, Công ty không đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết này tại ngày 30 tháng 09 năm 2019.

**13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh giá gốc của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 172.000 cổ phiếu và giá trị là 2.638.200.000 đồng. Công ty không xác định được giá trị hợp lý của số cổ phiếu này do cổ phiếu này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

*Đơn vị tính: VND*

	30/09/2019	01/01/2019
Đầu tư vào đơn vị khác	2,638,200,000	2,638,200,000
	<b>2,638,200,000</b>	<b>2,638,200,000</b>

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	30/09/2019	01/01/2019
<b>Ngắn hạn</b>		
Tiền thuê mặt bằng	1,854,720,053	330,000,000
Công cụ dụng cụ	346,284,821	533,150,507
Bảo hiểm cháy nổ	209,671,214	572,741,238
Quảng cáo	735,450,039	6,985,919,358
Chi phí khác	1,031,470,657	2,039,491,208
	<b>4,177,596,784</b>	<b>10,461,302,311</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)**

Dài hạn	30/09/2019	01/01/2019
Tiền thuê Showroom Keangnam (*)	6,596,876,563	6,802,315,625
Tiền thuê showroom Nha Trang	7,915,719,067	
Chi phí thi công Showroom	8,321,833,069	3,317,136,477
Phụ tùng máy móc thiết bị quản lý	4,022,205,965	5,772,213,179
Chi phí dài hạn khác	1,878,565,465	1,111,837,706
	<b>28,735,200,128</b>	<b>17,003,502,987</b>

(\*) Đây là khoản trả trước tiền thuê mặt bằng tại Tòa nhà Keangnam, Phạm Hùng, Hà Nội trong vòng 45 năm kể từ năm 2012. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong vòng 32 năm kể từ năm 2012 tương ứng với thời gian hoạt động còn lại của Công ty theo Giấy chứng nhận Đầu tư.

(\*\*) Đây là khoản tiền trả trước cho tiền thuê đất tại Nha Trang, Khánh Hòa trong vòng 50 năm từ năm 2019 để làm mặt bằng kinh doanh, văn phòng. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm kể từ năm 2019 tương ứng với thời gian hoạt động còn lại của công ty theo Giấy chứng nhận đầu tư.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**15.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán	75,248,213,686	75,248,213,686	79,741,683,361	79,741,683,361
	<b>75,248,213,686</b>	<b>75,248,213,686</b>	<b>79,741,683,361</b>	<b>79,741,683,361</b>
Phải trả cho bên liên quan	10,469,037,694	10,469,037,694	13,087,131,578	13,087,131,578
Phải trả cho người bán	64,779,175,992	64,779,175,992	66,654,551,783	66,654,551,783

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Sung Hee Nam	2,200,000,000	-
PETIT ELIN CO.,LTD	0	5,505,524,850
Khách hàng trả tiền trước	<u>30,284,907,517</u>	<u>15,897,886,137</u>
	<u><b>32,484,907,517</b></u>	<u><b>21,403,410,987</b></u>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Thuế giá trị gia tăng	517,753,498	4,653,776,498
Thuế xuất, nhập khẩu	100,563,782	99,811,732
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10,700,797,406	16,770,530,210
Thuế thu nhập cá nhân	1,691,304,839	1,109,588,264
Các loại thuế khác	78,762,052	382,102,839
	<u><b>13,089,181,577</b></u>	<u><b>23,015,809,543</b></u>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Đơn vị tính: VND

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Chi phí phải trả khác	<u>4,434,932,402</u>	<u>3,312,520,102</u>
	<u><b>4,434,932,402</b></u>	<u><b>3,312,520,102</b></u>
Trong đó		
Phải trả đối tượng khác	4,434,932,402	3,312,520,102



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị tính: VND

<b>Ngắn hạn</b>	<b>30/09/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Chi phí phải trả khác	1,858,000,000	5,674,873,817
Phát hành Coupon	8,904,545	17,272,727
Kinh phí công đoàn	646,235,965	220,617,848
Bảo hiểm xã hội	95,560,042	122,556,446
Phải trả- phải nộp khác	4,975,722,621	123,260,517
	<b>7,584,423,173</b>	<b>6,158,581,355</b>
<b>Dài hạn</b>		
Trợ cấp thôi việc	14,055,906,379	12,709,150,558
Chi phí hoàn nguyên công trình	2,762,996,314	2,762,996,314
Phải trả dài hạn khác	116,818,001	116,818,000
	<b>16,935,720,694</b>	<b>15,588,964,872</b>

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	30/09/2019		Tăng/ Giảm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
Vay ngân hàng	129,680,011,167	129,680,011,167	196,488,965,715	119,108,242,245	52,299,287,693	52,299,287,693
Vay dài hạn đến hạn trả	11,235,326,002	11,235,326,002	11,235,326,002	16,802,556,969	16,802,556,969	16,802,556,969
	<b>140,915,337,169</b>	<b>140,915,337,169</b>	<b>207,724,291,717</b>	<b>135,910,799,214</b>	<b>69,101,844,662</b>	<b>69,101,844,662</b>
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	30/09/2019		Tăng/ Giảm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
Vay dài hạn	3,280,622,064	3,280,622,064	999,782,975	11,235,326,002	13,516,165,091	13,516,165,091
Trái phiếu phát hành	100,000,000,000	100,000,000,000	-	-	100,000,000,000	100,000,000,000
	<b>103,280,622,064</b>	<b>103,280,622,064</b>	<b>999,782,975</b>	<b>11,235,326,002</b>	<b>113,516,165,091</b>	<b>113,516,165,091</b>



## Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

### 19. VAY, THUẾ TÀI CHÍNH VÀ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

#### 19.1 Vay và thuế tài chính

##### 19.1.1 Các khoản vay ngân hàng

Ngân hàng	Số dư gốc tại ngày 30 tháng 09 năm 2019		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ USD			
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	8,729,881,866	375,479	4-5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 11 tháng 6 năm 2020	Từ 3.8- 4.7%	Máy móc thiết bị được tài trợ, tài sản cố định trên đất tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình thành phố Biên Hòa
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	5,786,066,200		5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 11 tháng 6 năm 2020	Từ 6.83% đến 7%	Máy móc thiết bị được tài trợ, tài sản cố định trên đất tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình thành phố Biên Hòa
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	38,465,756,513		Vay ngắn hạn 6 tháng	6.5%	Máy móc thiết bị được tài trợ, tài sản cố định trên đất tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình thành phố Biên Hòa
Ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam	91,214,254,654	4,009,576	Vay ngắn hạn 6 tháng	3.1-3.3%	Tài sản cố định và các khoản phải thu
<b>Trong đó</b>	<b>144,195,959,233</b>				
Vay ngắn hạn	129,680,011,167				
Vay dài hạn đến hạn trả	11,235,326,002				
Vay dài hạn	3,280,622,064				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VAY, THUÊ TÀI CHÍNH VÀ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI** (tiếp theo)

**19.1 Vay và thuê tài chính** (tiếp theo)

**19.1.3 Trái phiếu phát hành**

Ngân hàng	Số dư gốc tại ngày 30 tháng 09 năm 2019	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND			
Ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam	100,000,000,000	Vay theo hình thức trái phiếu	8.50%	Tài sản cố định và các khoản phải thu

Theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2017/EVE-BVB giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên, vào ngày 25 tháng 8 năm 2017, Công ty đã phát hành 150 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 150 tỷ đồng. Ngày 13 tháng 09 năm 2018, công ty đã mua lại 50 trái phiếu tương đương 50 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- ▶ Tài sản gắn liền với đất của nhà máy Hưng Yên tại Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên;
- ▶ Tài sản gắn liền với đất của nhà máy tại Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội;
- ▶ Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hà Nội và tại nhà máy Hưng Yên;
- ▶ Tài sản cố định khác từ phương án phát hành trái phiếu năm 2017.

**19.2 Trái phiếu chuyển đổi**

Vào ngày 15 tháng 6 năm 2018, Hội đồng Quản trị của công ty đã đưa ra quyết định số 15062018-01TB/EVPL đã chấp nhận để phát hành trái phiếu chuyển đổi không đảm bảo với giá trị 10.100.000 USD tới quỹ đầu tư cá nhân số 4 của Rhinos Vietnam Convertible Bond với kỳ hạn 5 năm, lãi suất là 1%/năm.

Ban giám đốc công ty đánh giá rằng không có yếu tố công cụ trong trái phiếu nêu trên và đã ghi nhận toàn bộ các khoản trái phiếu này vào nợ phải trả dài hạn

Theo điều khoản của trái phiếu hoán đổi này, các trái chủ có quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần phổ thông của công ty theo mức giá có thể được điều chỉnh giảm không quá 70% của giá chuyển đổi ban đầu sau thời điểm phát hành, bắt đầu sau 01 năm kể từ ngày phát hành cho đến trước 01 tháng ngày đáo hạn.

Đơn vị tính: VND

	Thay đổi trong năm			30/09/2019
	01/01/2019	Phát hành thêm	Đã chuyển thành cổ phiếu	
			Chênh lệch tỷ giá và chi phí phát hành	
	USD			USD
Giá trị	10,100,000			10,100,000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**19.2 Trái phiếu chuyển đổi (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	<b>Cho 9 tháng năm 2019</b>	<b>Cho 9 tháng năm 2018</b>
Giá trị trái phiếu chuyển đổi	-	-
Cơ cấu chủ sở hữu		
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	234,774,500,000	-
Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu	234,774,500,000	-
Số đầu năm	-	
Số phân bổ tăng trong năm	(2,523,308,250)	234,774,500,000
Số cuối năm	-	
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối quý	232,251,191,750	234,774,500,000

## Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 20.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng VND
					VND	VND	
<b>Số dư tại ngày 01/01/2018</b>	<b>419,797,730,000</b>	<b>203,072,724,247</b>	<b>(49,000,000,000)</b>	<b>13,373,212,886</b>	<b>337,888,640,304</b>	<b>925,132,307,437</b>	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	78,560,881,125	78,560,881,125	
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	2,545,955,055	(2,545,955,055)	-	
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	(39,805,509,500)	(39,805,509,500)	
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(27,000,000,000)	-	-	(27,000,000,000)	
Giảm khác	-	-	-	(15,185,011,053)	-	(15,185,011,053)	
<b>Số dư tại ngày 01/01/2019</b>	<b>419,797,730,000</b>	<b>203,072,724,247</b>	<b>(76,000,000,000)</b>	<b>734,156,888</b>	<b>374,098,056,874</b>	<b>921,702,668,009</b>	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	39,892,469,987	39,892,469,988	
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	3,810,619,732	(3,810,619,732)	0	
Tăng khác (i)	-	-	-	-	0	0	
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	(38,038,781,750)	(38,038,781,750)	
Giảm khác	-	-	-	(4,037,136,732)	2	(4,037,136,730)	
<b>Số dư tại ngày 30/09/2019</b>	<b>419,797,730,000</b>	<b>203,072,724,247</b>	<b>(76,000,000,000)</b>	<b>507,639,888</b>	<b>372,141,125,385</b>	<b>919,519,219,520</b>	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	30/09/2019		01/01/2019	
	Tổng	Cổ phiếu phổ thông	Tổng	Cổ phiếu phổ thông
Cổ phiếu phổ thông	419,797,730,000	419,797,730,000	419,797,730,000	419,797,730,000
Thặng dư vốn cổ phần	203,072,724,247	203,072,724,247	203,072,724,247	203,072,724,247
Cổ phiếu quỹ	(76,000,000,000)	(76,000,000,000)	(76,000,000,000)	(76,000,000,000)
	<b>546,870,454,247</b>	<b>546,870,454,247</b>	<b>546,870,454,247</b>	<b>546,870,454,247</b>

**20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	30/09/2019	01/01/2019
<b>Vốn đã góp</b>		
Số đầu năm	419,797,730,000	419,797,730,000
Tăng vốn trong năm		
Giảm vốn trong năm		
Số cuối năm	<b>419,797,730,000</b>	<b>419,797,730,000</b>

**20.4 Cổ phiếu**

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2018: 10.000 VND/cổ phiếu).

	30/09/2019	01/01/2019
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>41,979,773</b>	<b>41,979,773</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>41,979,773</b>	<b>41,979,773</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	41,979,773	41,979,773
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>(3,931,800)</b>	<b>(3,931,800)</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(3,931,800)	(3,931,800)
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>38,047,973</b>	<b>38,047,973</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38,047,973	38,047,973
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.5 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/ĐHĐCĐ2019/NQ ngày 19 tháng 4 năm 2019 với giá trị bằng 5% lợi nhuận sau thuế được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

**21. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	591.124,97	314.053,77
- Euro (EUR)	201.900,26	146.406,1

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đơn vị tính: VND

	<u>9 tháng năm 2019</u>	<u>9 tháng năm 2018</u>
Doanh thu thành phẩm chần ga, dêm	400,758,067,302	462,501,998,121
Doanh thu thành phẩm bông	260,648,652,836	296,035,169,088
Doanh thu bán khăn	55,876,613,385	66,471,691,260
Doanh thu khác	2,455,661,652	1,131,566,684
	<b><u>719,738,995,175</u></b>	<b><u>826,140,425,153</u></b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	3,026,752,193	1,883,793,003
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>3,026,752,193</i>	<i>1,883,793,003</i>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng</b>	<b><u>716,712,242,982</u></b>	<b><u>824,256,632,150</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

*Đơn vị tính: VND*

	<u>9 tháng năm 2019</u>	<u>9 tháng năm 2018</u>
Lãi tiền gửi	25,825,604,253	12,615,730,824
Lãi chênh lệch tỷ giá	3,299,851,041	6,761,567,003
Cổ tức, lợi nhuận được chia	206,400,000	206,400,000
Doanh thu tài chính khác	21,123	-
	<u>29,331,876,417</u>	<u>19,583,697,827</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

*Đơn vị tính: VND*

	<u>9 tháng năm 2019</u>	<u>9 tháng năm 2018</u>
Giá vốn thành phẩm chần ga, đệm	274,980,799,697	333,404,502,355
Giá vốn thành phẩm bông	163,716,120,011	183,663,392,593
Giá vốn hàng khăn	52,580,915,287	56,010,704,114
Giá vốn hàng khác	1,099,353,620	-
	<u>492,377,188,615</u>	<u>573,078,599,062</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

*Đơn vị tính: VND*

	<u>9 tháng năm 2019</u>	<u>9 tháng năm 2018</u>
Chi phí tiền vay	12,925,335,506	13,117,797,149
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3,753,322,181	5,896,876,654
Chi phí tài chính khác	472,478,000	59,952,534
	<u>17,151,135,687</u>	<u>19,074,626,337</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

*Đơn vị tính: VND*

Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	9 tháng năm 2019	9 tháng năm 2018
- Chi phí nhân công	50,475,653,788	41,485,734,759
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1,757,524,493	1,521,939,696
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	33,842,502,499	30,813,429,628
- Chi phí khác	32,218,883,990	36,163,212,647
	<b>118,294,564,770</b>	<b>109,984,316,730</b>

Các khoản chi phí quản lý phát sinh trong kỳ	9 tháng năm 2019	9 tháng năm 2018
- Chi phí nhân công	39,215,555,820	41,281,914,821
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	6,517,700,670	7,232,331,408
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13,658,077,514	11,227,341,713
- Chi phí khác	6,878,369,301	11,487,891,397
	<b>66,269,703,305</b>	<b>71,229,479,339</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

*Đơn vị tính: VND*

	9 tháng năm 2019	9 tháng năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	405,320,365,972	502,493,185,960
Chi phí nhân công	164,245,306,020	164,567,759,677
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33,673,430,246	30,505,456,804
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51,665,367,943	48,129,002,403
Chi phí khác bằng tiền	39,555,788,231	39,905,710,130
	<b>694,460,258,412</b>	<b>785,601,114,974</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận thu được cho quý tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

Đơn vị tính: VND

	<u>9 tháng năm 2019</u>	<u>9 tháng năm 2018</u>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>51,758,207,237</b>	<b>71,306,939,527</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	-	-
Trừ: Lợi nhuận được miễn, giảm thuế	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	2,076,275,521	4,077,152,369
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	10,571,724,955	(20,318,499,302)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>60,253,656,671</b>	<b>46,911,287,856</b>
<i>Thu nhập chịu thuế của các hoạt động chịu thuế suất thông thường 20%</i>	<i>60,253,656,671</i>	<i>46,911,287,856</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>12,050,731,335</b>	<b>9,382,257,572</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
Điều chỉnh theo quyết toán thuế năm trước	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>12,050,731,335</b>	<b>9,382,257,572</b>

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

### 27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau

*Đơn vị tính: VND*

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo hoạt động kinh doanh	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	2019	2018
<i>Tài sản thuế hoãn lại</i>				
Doanh thu bán phiếu mua hàng	1,780,909	3,454,545	(1,673,636)	(242,284,091)
Doanh thu chưa phát hành hóa đơn		560,508,983	(560,508,983)	461,616,739
Dự phòng hàng tồn kho	2,422,948,723	3,217,646,078	(794,697,355)	1,065,911,126
Dự phòng phải thu khó đòi	11,658,245,929	11,233,263,492	424,982,438	2,572,034,949
Chi phí phá dỡ nhà xưởng	248,669,666	165,779,778	82,889,889	55,259,926
Dự phòng phải trả quỹ thất nghiệp	2,811,181,275	2,541,830,112	269,351,163	199,008,969
Chi phí vượt quá thời gian khấu hao	32,308,348	-	32,308,348	-
Chi tài trợ giáo dục cho dù chứng từ	463,000,000	-	463,000,000	-
<b>Tổng</b>	<b>17,638,134,851</b>	<b>17,722,482,988</b>	<b>(84,348,136)</b>	<b>4,111,547,618</b>
<i>Chi phí thuế hoãn lại</i>				
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(373,975,104)	(643,317,325)	269,342,221	(476,337,655)
<b>Tổng</b>	<b>(373,975,104)</b>	<b>(643,317,325)</b>	<b>269,342,221</b>	<b>(476,337,655)</b>
<i>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh</i>	<b>17,264,159,748</b>	<b>17,079,165,663</b>	<b>184,994,085</b>	<b>3,635,209,963</b>

### 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

*Đơn vị tính: VND*

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm 2019	Năm 2018
Công ty CP Everpia Korea	Công ty con	Dịch vụ	-	18,474,057,019
		Mua hàng hóa		94,122,630
		Bán hàng hóa	-	7,440,725,456
		Nguyên vật liệu	192,097,740,509	230,530,532,725
Công ty CP Texpia	Công ty liên kết	Mua hàng hóa		60,740,395,370



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư cuối năm của các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	Mối quan hệ	Giao dịch	Phải thu/(Phải trả)	
			30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Everpia Koean	Công ty con	Hàng hóa	10,469,037,694	13,087,131,578
		Dịch vụ	-	-

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

*Đơn vị tính: VND*

	9 tháng năm 2019	9 tháng năm 2018
Lương gộp và các quyền lợi khác	13,896,006,509	14,300,153,464
	<b>13,896,006,509</b>	<b>14,300,153,464</b>

## 29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về chần, ga, gối, nệm, khăn và bông. Doanh thu các sản phẩm từ chần, ga, gối, đệm, khăn và bông chiếm tỷ trọng 95,96% tổng doanh thu trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

## 30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

## 31. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

Chỉ tiêu	2019	2018	Chênh lệch (%)
Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng 9 tháng	716,712,242,982	824,256,632,150	-13%
Lợi nhuận sau thuế 9 tháng	39,892,469,987	56,800,585,947	-30%
Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng quý 3	288,897,581,269	322,902,187,026	-11%
Lợi nhuận sau thuế quý 3	27,455,156,124	23,635,376,290	16%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

Doanh thu bán hàng quý 3/2019 giảm 11%, tương đương 34 tỷ đồng, trong đó mảng bông tấm sụt giảm 21%, mảng khăn giảm 16% và mảng chăn ga giảm nhẹ 3%, nguyên nhân chủ yếu là do: (i) Yếu tố thời tiết không được thuận lợi, cộng thêm việc điều chỉnh giảm giá bán các loại bông cơ bản trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt trong phân khúc cấp thấp gây ảnh hưởng tới doanh số bông tấm; (ii) Công ty điều chỉnh chính sách bán hàng đối với mảng khăn theo hướng chọn lọc các đơn hàng có tỷ lệ lợi nhuận tối thiểu 5% trở lên nhằm tối ưu hóa tỷ lệ lợi nhuận; (iii) Các thông tin dự báo thời tiết theo chiều hướng bất lợi cho mảng kinh doanh chăn ga, nên mặc dù đã cải tiến đáng kể về mặt chất liệu vải, doanh số bán hàng chăn ga vẫn sụt giảm nhẹ 3%. Mặc dù vậy, lợi nhuận thuần trong quý lại ngược dòng tăng trưởng 16% so với cùng kỳ, tương đương 4 tỷ đồng, do sự cải thiện trong tỷ lệ lợi nhuận gộp, đồng thời tiết giảm chi phí quảng cáo trên truyền hình và thay bằng các hoạt động digital marketing do Công ty tự triển khai.

Sự sụt giảm doanh thu trong quý 3 góp phần đẩy tổng doanh thu lũy kế 09 tháng giảm 13% so với cùng kỳ, tương đương 107 tỷ đồng, trong đó: (i) mảng chăn ga giảm 13%, chủ yếu do tác động bởi yếu tố thời tiết; (ii) mảng bông tấm giảm 12% mà phần lớn sự sụt giảm được ghi nhận trong quý 3 vừa rồi; (iii) mảng khăn giảm 16% do điều chỉnh trong chính sách bán hàng nêu trên. Lợi nhuận lũy kế sau 03 quý đạt ~40 tỷ, giảm 30% so với cùng kỳ, ngoài nguyên nhân từ doanh thu còn đến từ việc Công ty quyết định đẩy mạnh đầu tư cho các hoạt động thúc đẩy bán 02 ngành hàng mới là Màn hình và Đệm lò xo Kingcoil, khiến chi phí bán hàng tăng mạnh 14%, tập trung nhiều vào chi phí lương cho đội ngũ bán hàng và các chi phí quảng cáo, mở rộng hệ thống phân phối. Tuy nhiên, Everpia xác định đây là tiền đề cần thiết để Công ty có thể đưa các dòng sản phẩm mới của mình tiếp cận được với thị trường, và trở thành động lực tăng trưởng doanh thu trong những năm tiếp theo.



Nguyễn Bảo Ngọc  
Trưởng phòng Kế toán  
Người lập biểu



Yu Sung Dae  
Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 10 năm 2019